

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 347 /2020/HS-PT

Ngày: 22/12/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ**

- T phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Quốc T.

Các Thẩm phán: Bà Lê Thu Hương.

Bà Lê Thị Phương Thanh.

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Phi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà:

Bà Lê Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hoá mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ L số 259/2020/TLPT-HS ngày 16 tháng 10 năm 2020.

Do có kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Minh T, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Đình T1, Nguyễn Văn L và Nguyễn Văn C đối với bản án hình sự sơ thẩm số 52/2020/HS-ST ngày 04/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

** Các bị cáo kháng cáo:*

1. Nguyễn Minh T, sinh năm 1949 tại: Xã X, huyện T.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Khu 5, thị trấn T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Hưu trí; Trình độ học vấn: 10/10; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Đình Thanh (đã chết) và bà Phạm Thị Dẫy; Có vợ là Nguyễn Thị Nhuận và 02 con (Lớn SN 1988, nhỏ SN 1992);

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 24/8/2020 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thọ Xuân khởi tố về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức” trong vụ án khác. Bị bắt tạm giữ từ ngày 23/8/2018 đến ngày 01/9/2018 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (có mặt).

2. Nguyễn Văn Q, sinh năm 1960 tại: Xã Đ, huyện T, tỉnh Thanh Hóa;

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn T, Xã Đ, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Hưu trí; Trình độ học vấn: 10/10; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn Quý (đã chết) và bà La Thị Nhung (đã chết); Có vợ là Lã Thị Lâm và 03 con (Lớn nhất SN 1986, nhỏ nhất SN 1991);

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 12/6/2020 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thiệu Hóa khởi tố về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức” trong vụ án khác. Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/9/2019 đến ngày 18/11/2019 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn “Bảo lĩnh” (có mặt).

3. Nguyễn Đình T1, sinh năm 1962 tại: Xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa;

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Hưu trí; Trình độ học vấn: 10/10; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Đình Sửu và bà Nguyễn Thị Minh; có vợ là Lê Thị Thủy (đã chết) và 02 con (Lớn SN 1990, nhỏ SN 1992);

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (có mặt).

4. Nguyễn Văn L, sinh năm 1972 tại: Xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa;

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn T Vinh, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn Thâu (đã chết) và bà Nguyễn Thị Chanh; có vợ là Nguyễn Thị Hằng và 02 con (Lớn SN 2001, nhỏ SN 2005);

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (có mặt).

5. Nguyễn Văn C, sinh năm 1955 tại: Xã Xuân Khánh, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa;

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn 1, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 02/10; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn Năng và bà Lục Thị Thuần (đã chết); có vợ là Nguyễn Thị Minh và 03 con (Lớn nhất SN 1982, nhỏ nhất SN 1995);

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giữ từ ngày 23/8/2018 đến ngày 01/9/2018 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (có mặt).

- Người có quyền lợi nghĩa vụ, liên quan (58 người không có kháng cáo):

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 06 giờ 30 phút ngày 23/8/2018, tại quán ăn của ông Mạc Sỹ Ứng ở thôn 1, xã Xuân Khánh, huyện Thọ Xuân, tổ công tác Công an huyện Thọ Xuân bắt quả tang Nguyễn Minh T đang giao cho Nguyễn Văn C 01 bản trích sao quyết định về việc hưởng chế độ trợ cấp một lần đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ Quốc tế theo Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ (Quyết định 62) mang tên Trịnh Đình Minh. Nguyễn Văn C còn tự nguyện giao nộp 01 bản trích sao Quyết định hưởng chế độ theo Quyết định 62 mang tên Phùng Xuân Dũng.

Nghi ngờ các quyết định trên là giả nên Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh tại Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Thanh Hóa. Qua xác minh các Quyết định 1636, 1176/QĐ-BTL mang tên Trịnh Đình Minh và Phùng Xuân Dũng không có tên đối tượng được hưởng chế độ theo Quyết định trên. Các bản sao trên không phải do phòng chính trị Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh ban hành.

Nguyễn Minh T và Nguyễn Văn C khai nhận trong khoảng thời gian từ tháng 5/2017 đến khi bị bắt đã cùng nhau làm 07 quyết định hưởng chế độ theo Quyết định 62 cho 07 người dân tại các xã Xuân Hòa, Xuân Trường, Xuân Khánh.

Quá trình điều tra xác định vào khoảng năm 2016 Nguyễn Minh T và Nguyễn Văn Q đã bàn bạc làm quyết định hưởng chế độ theo Quyết định 62/2011/QĐ-TTg ngày 09/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ cho những người có nhu cầu làm bảo hiểm y tế theo Quyết định 62, T và Q thống nhất với nhau: T tìm người cần làm quyết định hưởng chế độ theo Quyết định 62 và thu tiền, chứng minh nhân dân photô của các đối tượng cần làm, còn Q có nhiệm vụ làm quyết định giả, mỗi quyết định T trả cho Q 500.000đ.

Trong thời gian từ năm 2016 đến năm 2018, Nguyễn Minh T cùng với Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn C, Nguyễn Đình T1 và Nguyễn Văn L đã làm giả quyết định hưởng chế độ theo Quyết định 62 cho 55 người trên địa bàn huyện Thọ Xuân. Cụ thể như sau:

- Vào khoảng năm 2017, Nguyễn Minh T nói với Nguyễn Văn C là xem ai có nhu cầu cần làm quyết định hưởng chế độ theo Quyết định 62 để làm bảo hiểm y tế thì cứ nhận hết về cho T, và dặn C nói với những người nhờ làm quyết định là quyết định thật, nhưng không được hưởng tiền trợ cấp mà chỉ có thể làm bảo hiểm y tế. Trong thời gian này T và C đã làm 07 quyết định giả cho 07 người, trong đó 05 người ở xã Xuân Hòa gồm: Trịnh Xuân Quỳnh, Lê Đình Tuyên, Thiệu Văn Du, Lê Huy Trường và Nguyễn Trung Quang; 01 người ở xã Xuân Khánh (nay là xã Xuân Hồng) là Trịnh Đình Minh; 01 người ở xã Xuân Trường là Phùng Xuân Dũng. 05 người ở xã Xuân Hòa nhờ C làm quyết định thông qua ông Nguyễn Trung Đệ (ở thôn Thượng Vôi, xã Xuân Hòa) giới thiệu, ông Đệ đã nhận tiền từ 05 người trên và giao cho Nguyễn Văn C tại nhà Đệ. Số

tiền C đã nhận để làm quyết định giả cho 05 người ở xã Xuân Hòa là 15.000.000đ; nhận của Phùng Xuân Dũng và Trịnh Đình Minh mỗi người 2.500.000đ. Tổng số tiền mà C đã nhận để làm quyết định giả cho 07 người trên là 20.000.000đ. Mỗi quyết định giả C đưa cho T 1.500.000đ, tổng số tiền C đã đưa cho T là 10.500.000đ, số tiền còn lại 9.500.000đ C giữ lại và tiêu xài cá nhân. Nguyễn Văn C không nói cho ông Đệ biết các quyết định trên là giả, bản thân ông Đệ khi đó là bí thư thôn Thượng Vôi, xã Xuân Hòa, mục đích nhằm nâng cao tỉ lệ người được hưởng bảo hiểm y tế nên đã tin tưởng và giới thiệu 05 người ở thôn Thượng Vôi, xã Xuân Hòa cho Nguyễn Văn C, ông Đệ cũng không được hưởng lợi và không biết C làm giả các quyết định này.

- Khoảng tháng 9/2016, Nguyễn Minh T gặp Trịnh Tuấn Nhã (ở thôn 2, xã Phú Yên (nay là xã Phú Xuân) và nói với Nhã là T làm được các quyết định hưởng chế độ theo Quyết định 62 cho những người đi bộ đội nhưng mất giấy tờ để làm bảo hiểm y tế, chỉ cần photô chứng minh nhân dân và chi phí 1.500.000đ/người, nói Nhã về tìm người cần làm thì giới thiệu cho T. Trong khoảng thời gian từ tháng 9/2016 đến tháng 4/2017, Trịnh Tuấn Nhã đã tìm được 07 người ở xã Phú Yên gồm: Trịnh Như Trung, Lê Đình Hùng, Lê Hữu Quý, Nguyễn Văn Ngọc, Lê Văn Xuân, Trịnh Xuân Vơn và Hoàng Văn Nam có nhu cầu làm quyết định để làm thẻ bảo hiểm y tế. 07 người trên đã đưa cho Nhã số tiền 19.600.000đ. Trong đó Nhã nhận của Trung, Hùng, Xuân, Ngọc mỗi người 3.000.000đ; Vơn, Nam mỗi người 2.500.000đ; nhận của Quý số tiền 2.600.000đ. Nhã đưa cho T 10.500.000đ để T làm 07 quyết định giả cho những người trên. Số tiền còn lại 9.100.000đ Trịnh Tuấn Nhã giữ lại và tiêu xài cá nhân. Bản thân Trịnh Tuấn Nhã không biết các quyết định trên là giả.

- Khoảng tháng 11/2016 Nguyễn Minh T gặp Nguyễn Đình T1 (lúc này T1 đang làm cán bộ chính sách xã Xuân Vinh), tại đây T nói T1 có ai cần làm quyết định hưởng chế độ theo Quyết định 62 để làm thẻ bảo hiểm y tế thì giới thiệu cho T, chỉ cần đi bộ đội và cho T biết thông tin cá nhân là làm được. Địa phương có nhiều người có nhu cầu nên T1 đã nhờ T làm và trực tiếp nhận tiền của 09 người với số tiền là 27.100.000đ. Cụ thể: Nhận của Hoàng Văn Thường, Nguyễn Đình Hùng, Nguyễn Văn Long mỗi người 3.200.000đ; Trịnh Thị Hoàng, Nguyễn Đình Xây, Nguyễn Văn Nông, Nguyễn Văn Gát, Trịnh Thị Tính mỗi người 3.000.000đ và nhận của Đỗ Thị An 2.500.000đ.

Sau khi Nguyễn Đình T1 nghỉ hưu ngày 01.3.2017, Nguyễn Văn L (là cán bộ bán chuyên trách xã Xuân Vinh) được bổ trí làm thay Nguyễn Đình T1, đã đến nhà nhờ T1 làm quyết định hưởng chế độ theo Quyết định 62 giả cho 08 người, những người này đều được L nói là làm được quyết định để làm bảo hiểm y tế, số tiền mà L nhận của 8 người là: 25.900.000đ. Cụ thể: Nhận của Trịnh Văn Quang, Ngô Tất T, Nguyễn Hữu Huê mỗi người 3.500.000đ; Nguyễn Văn Hải, Dương Văn Thơ mỗi người 3.200.000đ; Hoàng Văn Luân, Ngô Văn Dũng, Ngô Đình Vân mỗi người 3.000.000đ. Sau khi nhận tiền và chứng minh photô của người dân, Nguyễn Văn L nộp lại cho T1 2.500.000đ/quyết định, tổng số tiền mà L trả cho T1 để làm quyết định giả là 20.000.000đ. Số tiền còn lại 5.900.000đ L sử dụng vào mục đích chi tiêu cá nhân.

Như vậy tổng số tiền mà Nguyễn Đình T1 nhận từ người dân là 47.100.000đ (gồm 09 người T1 trực tiếp nhận và 08 người do Nguyễn Văn L nhờ làm). Nguyễn Đình T1 trả cho Nguyễn Minh T 2.300.000đ/quyết định là 39.100.000đ. Số tiền còn lại 8.000.000đ T1 sử dụng vào mục đích chi tiêu cá nhân.

Bản thân Nguyễn Đình T1 và Nguyễn Văn L là cán bộ chính sách xã Xuân Vinh, biết đối tượng và điều kiện được hưởng chế độ theo Quyết định 62/2011/QĐ-TTg ngày 09/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ và biết các quyết định T làm là giả, nhưng đã tạo điều kiện giúp sức cùng T thực hiện hành vi phạm tội.

- Với hình thức như trên, năm 2017 Nguyễn Minh T gặp Hoàng Văn Quế (ở thôn Cao Phú, Xã X, huyện T) và nói với Quế là T làm được quyết định hưởng chế độ theo Quyết định 62 cho những người đi bộ đội nhưng mất giấy tờ để làm bảo hiểm y tế, chỉ cần phô tô chứng minh nhân dân và chi phí phù hợp là làm được, T nói với Quế về tìm người cần làm thì giới thiệu cho T. Hoàng Văn Quế đã nói với những người dân là làm được quyết định hưởng chế độ theo Quyết định 62 để làm bảo hiểm y tế nên 20 người ở Xã X, huyện T đã đưa tiền cho Quế để nhờ làm. Cụ thể: Nhận từ Nguyễn Văn Nhường, Dương Văn Tân, Lê Văn Tàn mỗi người 3.300.000đ; Hà Đình Tuấn, Nguyễn Mạnh Cường, Lưu Xuân Hoan, Nguyễn Tiên Thông, Hà Xuân Thảo mỗi người 3.000.000đ; Hà Đình Công, Hà Xuân Lợi mỗi người 3.500.000đ; Hà Xuân Quy, Hà Xuân Hưng mỗi người 2.900.000đ; Nguyễn Thị Hòa, Hà Xuân Cân, Hoàng Văn Minh mỗi người 3.100.000đ; Trần Việt T 2.500.000đ; Hà Đình Văn, Hà Đình Nga, Lưu Xuân Tiến mỗi người 2.700.000đ; Vũ Văn Trình 2.800.000đ. Tổng cộng Hoàng Văn Quế đã nhận số tiền 60.400.000đ từ 20 người trên. Quế đưa cho T toàn bộ số tiền trên để nhờ T làm quyết định, mỗi trường hợp làm quyết định T đưa lại cho Quế 200.000đ và nói là tiền chè nước, ăn sáng, tổng số tiền T đưa lại cho Quế là 4.000.000đ và T giữ lại 56.400.000đ. Quế đã trả lại 3.500.000đ cho anh Hà Đình Công, số tiền còn lại 500.000đ Quế sử dụng vào mục đích cá nhân. T đã làm được các quyết định hưởng chế độ theo Quyết định 62 giả đưa cho Quế, để Quế đưa lại cho người dân nhờ làm quyết định. T không nói những quyết định trên là giả, bản thân Quế cũng không biết các quyết định trên là giả.

- Năm 2017 Nguyễn Minh T đã nói với Nguyễn Thị Thông, Ngô Quang Liều, Ngô Đình Loan và Nguyễn Hữu Khuân (đều ở Xã X, huyện T) là T làm được chế độ bảo hiểm y tế lâu dài theo quyết định hưởng chế độ theo Quyết định 62, chỉ cần chứng minh nhân dân phô tô và chi phí 2.000.000đ. Sau khi nhận tiền của 04 người trên, mỗi người 2.000.000đ, T đã làm được quyết định đưa cho 04 người trên để họ làm bảo hiểm y tế.

Tổng số tiền mà Nguyễn Minh T đã nhận của Nguyễn Văn C, Nguyễn Đình T1 (có cả số tiền mà L đưa cho T1), Trịnh Tuấn Nhã, Hoàng Văn Quế, Nguyễn Thị Thông, Ngô Quang Liều, Ngô Đình Loan và Nguyễn Hữu Khuân để làm 55 bản sao quyết định hưởng chế độ theo Quyết định 62 giả là 124.500.000đ. T đưa cho Q 27.500.000đ để Q làm 55 bản sao quyết định giả cho những người nêu trên, số tiền còn lại 97.000.000đ T giữ lại và dùng vào việc chi tiêu cá nhân.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thọ Xuân tiến hành thu giữ 45 bản trích sao quyết định hưởng chế độ trợ cấp một lần theo Quyết định 62 và ra quyết định trưng cầu giám định Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Thanh Hóa với nội dung:

- Hình dấu và chữ ký trên tài liệu cần giám định so với hình dấu, chữ ký trên mẫu so sánh có phải do con dấu đóng ra và do cùng một người ký ra hay không;
- Tài liệu cần giám định có chữ ký và con dấu làm bằng phương pháp gì;
- Chữ ký, con dấu trên 45 mẫu cần giám định có cùng một máy in ra hay không.

Tại Bản kết luận giám định số 1781/KLGD-PC09 ngày 29/8/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa kết luận: Hình dấu tròn màu đỏ, nội dung "Phòng chính trị Bộ C.H.Q.S tỉnh Thanh Hóa" trên tài liệu cần giám định (kí hiệu A1, A2) so với hình dấu màu đỏ có cùng nội dung trên tài liệu mẫu so sánh (kí hiệu M1) không phải do cùng một con dấu đóng ra. Hình dấu được làm bằng phương pháp in laze màu, chữ ký đứng tên Thượng tá Lê Văn Lực và Thượng tá Nguyễn Hữu Thuật trên tài liệu cần giám định (kí hiệu A1, A2) không phải là chữ ký trực tiếp. Chữ ký được làm bằng phương pháp in laze màu.

Tại Bản kết luận giám định số 661/KLGD-PC09 ngày 01/3/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa kết luận: Hình dấu tròn màu đỏ và chữ ký đứng tên "Thượng tá Đỗ Văn Minh" dưới mục "KT. CHỦ NHIỆM PHÓ CHỦ NHIỆM" trên tài liệu cần giám định kí hiệu A1, A2, A3, A4, A5, A6 được làm bằng phương pháp in phun màu.

Tại Bản kết luận giám định số 692/KLGD-PC09 ngày 10/3/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa kết luận: Hình dấu tròn, màu đỏ, nội dung "PHÒNG CHÍNH TRỊ* BỘ C.H.Q.S TỈNH THANH HÓA*" và chữ ký đứng tên "Thượng tá Đỗ Văn Minh" dưới mục "KT. CHỦ NHIỆM PHÓ CHỦ NHIỆM" trên tài liệu cần giám định kí hiệu từ A1 đến A32 được làm bằng phương pháp in phun màu; Hình dấu tròn, màu đỏ, nội dung "PHÒNG CHÍNH TRỊ* BỘ C.H.Q.S TỈNH THANH HÓA*" và chữ ký đứng tên "Thượng tá Nguyễn Hữu Thuật" dưới mục "CHỦ NHIỆM" trên tài liệu cần giám định kí hiệu từ A1 đến A37 được làm bằng phương pháp in phun màu.

Tại Bản kết luận giám định số 1270/PC09 ngày 22/5/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa kết luận: Không đủ cơ sở kết luận chữ ký và hình dấu trên 45 mẫu cần giám định kí hiệu A1-T2/2019 đến A6-T2/2019, A1-T3/19 đến A37-T3/19, A1-T8/2018 và A2-T8/2018 có phải do cùng một máy in ra hay không.

Sau khi làm được quyết định trợ cấp một lần theo Quyết định 62 giả. Trong số 55 người làm được quyết định giả, có 45 người đã làm được thẻ bảo hiểm y tế và nhiều người đã sử dụng thẻ bảo hiểm y tế để đi khám chữa bệnh tại nhiều nơi gây thiệt hại cho ngân sách nhà nước và quỹ bảo hiểm y tế, Bảo hiểm xã hội tỉnh Thanh Hóa.

Quá trình điều tra xác định: “Hành vi đưa 45 người không thuộc đối tượng vào hưởng chế độ thẻ bảo hiểm y tế theo Quyết định 62/2011/QĐ-TTg ngày 09/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ đã gây thiệt hại ngân sách nhà nước và quỹ bảo hiểm y tế” nêu trên có dấu hiệu của tội Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng, nên Cơ quan điều tra đã ra Quyết định bổ sung quyết định khởi tố vụ án hình sự và tách vụ án hình sự về tội "Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng" T một vụ án khác để tiếp T1c điều tra, xử L theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên quá trình điều tra xác định hành vi thiếu trách nhiệm không cấu T tội phạm, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thọ Xuân đã ra quyết định đình chỉ điều tra vụ án về hành vi trên.

Đối với các bản sao quyết định hưởng chế độ theo Quyết định 62 giả, thẻ bảo hiểm y tế và hồ sơ đề nghị hưởng chế độ Bảo hiểm y tế của các đối tượng, Cơ quan điều tra đã thu giữ trong quá trình điều tra hiện đang được lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

Đối với người đàn ông làm nghề ép dẻo, Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh nhưng không xác định được đối tượng này là ai, ở đâu.

Về phần dân sự: Các bị cáo Nguyễn Minh T, Nguyễn Văn Q và Nguyễn Văn C đã trả lại số tiền 20.000.000đ cho 07 người dân ở xã Xuân Khánh, Xuân Trường và Xuân Hòa. Trong đó Nguyễn Minh T trả 7.000.000đ, Nguyễn Văn Q trả 3.500.000đ, Nguyễn Văn C trả 9.500.000đ; Nguyễn Văn L đã trả lại 25.900.000đ, Nguyễn Đình T1 trả lại 27.100.000đ cho những người dân mà các bị cáo đã trực tiếp nhận làm quyết định giả.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 52/2020/HS-ST ngày 04/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa đã căn cứ vào điểm a khoản 3, khoản 4 Điều 341; Điều 17, khoản 1 Điều 38; điểm s, t, x khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật hình sự, đối với bị cáo Nguyễn Minh T;

Căn cứ vào điểm a khoản 3, khoản 4 Điều 341; Điều 17, khoản 1 Điều 38; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật hình sự, đối với bị cáo Nguyễn Văn Q;

Căn cứ vào điểm a khoản 3, khoản 4 Điều 341; Điều 17, khoản 1 Điều 38; điểm s, t, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54; Điều 58 Bộ luật hình sự, đối với các bị cáo Nguyễn Đình T1 và Nguyễn Văn L;

Căn cứ vào điểm a khoản 3, khoản 4 Điều 341; Điều 17, khoản 1 Điều 38; điểm s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54; Điều 58 Bộ luật hình sự, đối với bị cáo Nguyễn Văn C;

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm b khoản 2 Điều 106, Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố T1ng hình sự; Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản L và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên các bị cáo Nguyễn Minh T, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Đình T1, Nguyễn Văn L và Nguyễn Văn C phạm tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ

chức”. Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q 03 (ba) năm 02 (hai) tháng tù. Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình T1 02 (hai) năm 08 (tám) tháng tù. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù và xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Trừ thời gian tạm giữ, tạm giam cho các bị cáo vào thời gian chấp hành án.

Phạt bổ sung bằng hình phạt tiền đối với các bị cáo Nguyễn Minh T và Nguyễn Văn Q mỗi bị cáo 10.000.000 đồng; các bị cáo Nguyễn Đình T1, Nguyễn Văn L và Nguyễn Văn C mỗi bị cáo 5.000.000 đồng sung vào ngân sách Nhà nước.

Truy thu của bị cáo Nguyễn Minh T số tiền 59.400.000 đồng; bị cáo Nguyễn Văn Q số tiền 15.500.000 đồng, sung vào ngân sách Nhà nước.

Truy thu của ông Hoàng Văn Quế số tiền 500.000 đồng; ông Trịnh Tuấn Nhã số tiền 9.100.000 đồng, sung vào ngân sách Nhà nước.

Truy thu của các người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan sau số tiền đã sử dụng liên quan đến giao dịch trái pháp luật, sung vào ngân sách Nhà nước, cụ thể: Ông Nguyễn Đình Hùng 3.200.000 đồng; bà Trịnh Thị Tính 3.000.000 đồng; bà Trịnh Thị Hoàng 3.000.000 đồng; ông Nguyễn Đình Xây 3.000.000 đồng; ông Nguyễn Văn Nông 3.000.000 đồng; ông Nguyễn Văn Long 3.200.000 đồng; ông Hoàng Văn Thường 3.200.000 đồng; bà Đỗ Thị An 2.500.000 đồng; ông Ngô Tất T 3.500.000 đồng; ông Nguyễn Hữu Huê 3.500.000 đồng; ông Trịnh Văn Quang 3.500.000 đồng; ông Nguyễn Văn Hải 3.200.000 đồng; ông Dương Văn Thor 3.200.000 đồng; ông Ngô Văn Dũng 3.000.000 đồng; ông Hoàng Văn Luân 3.000.000 đồng; ông Lê Đình Tuyên 3.000.000 đồng; ông Thiệu Văn Du 3.000.000 đồng; ông Trịnh Xuân Quỳnh 3.000.000 đồng; ông Lê Huy Trường 3.000.000 đồng; ông Nguyễn Trung Quang 3.000.000 đồng; ông Trịnh Đình Minh 1.500.000 đồng; ông Phùng Xuân Dũng 1.500.000 đồng; ông Hà Đình Công số tiền 3.500.000 đồng.

Về phần dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Minh T phải trả cho Nguyễn Văn L số tiền 14.400.000 đồng và trả cho Nguyễn Đình T1 số tiền 16.200.000 đồng. Buộc bị cáo Nguyễn Văn Q phải trả cho Nguyễn Văn L số tiền 4.000.000 đồng và trả cho Nguyễn Đình T1 số tiền 4.500.000 đồng và buộc bị cáo Nguyễn Đình T1 phải trả cho Nguyễn Văn L số tiền 1.600.000 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Trong hạn luật định, các bị cáo Nguyễn Minh T và Nguyễn Văn Q kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, các bị cáo Nguyễn Đình T1, Nguyễn Văn L và Nguyễn Văn C kháng cáo với nội dung đều đề nghị cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo và đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung của bản án sơ thẩm đã tuyên.

Cũng tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) tỉnh Thanh Hóa sau khi phân tích tính chất vụ án, nhân thân, hành vi phạm tội của các bị cáo cũng như tình tiết mới được bổ sung tại phiên tòa đã đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; Điểm c khoản 1 Điều 357 BLTTHS chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo T và Q từ 09 (Chín) tháng đến 12 (Mười hai) tháng tù, giảm hình phạt cho bị cáo T1 từ 06 (Sáu) tháng đến 09 (Chín) tháng và giảm hình phạt cho bị cáo C và L từ 02 (Hai) tháng đến 03 (Ba) tháng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] *Xét về tính hợp pháp của đơn kháng cáo:* Đơn kháng cáo của các bị cáo trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại Điều 333 BLTTHS, nên đơn kháng cáo của các bị cáo được coi là hợp pháp. Do vậy, HĐXX cấp phúc thẩm chấp nhận đơn của các bị cáo để xem xét nội dung kháng cáo theo trình tự phúc thẩm.

[2] *Về hành vi phạm tội:* Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo đều T khẳng khai báo và thừa nhận hành vi phạm tội như sau:

Vào khoảng năm 2016 Nguyễn Minh T và Nguyễn Văn Q đã bàn bạc thống nhất với nhau về việc làm quyết định hưởng chế độ chính sách theo Quyết định 62/2011/QĐ-TTg ngày 09/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ cho những người có nhu cầu làm bảo hiểm y tế theo Quyết định 62, cụ thể: T tìm người cần làm quyết định và thu tiền, chứng minh nhân dân phôtô gửi cho Q, còn Q có nhiệm vụ làm quyết định giả, mỗi quyết định T trả cho Q 500.000đ, với mục đích thu lợi bất chính. Trong thời gian từ năm 2016 đến năm 2018, Nguyễn Minh T đã cấu kết với các đối tượng Nguyễn Văn Q, Nguyễn Văn C, Nguyễn Đình T1 và Nguyễn Văn L đã làm giả quyết định hưởng chế độ theo Quyết định 62/2011/QĐ-TTg ngày 09/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ cho 55 người ở các xã trên địa bàn huyện Thọ Xuân. Cụ thể như sau:

- Nguyễn Minh T cùng với Nguyễn Văn C làm quyết định giả cho 07 người ở xã Xuân Hòa, Xuân Trường và Xuân Khánh thu tổng số tiền 20.000.000đ.

- Nguyễn Minh T thông qua Trịnh Tuấn Nhã làm quyết định giả cho 07 người ở xã Phú Yên thu tổng số tiền là 19.600.000đ.

- Nguyễn Minh T cùng với Nguyễn Đình T1 làm quyết định giả cho 09 người ở xã Xuân Vinh, thu tổng số tiền là 27.100.000đ.

- Nguyễn Minh T cùng với Nguyễn Đình T1; Nguyễn Đình T1 cấu kết với Nguyễn Văn L làm quyết định giả cho 8 người ở xã Xuân Vinh thu tổng số tiền là 25.900.000đ.

- Nguyễn Minh T thông qua Hoàng Văn Quế làm quyết định giả cho 20 người ở xã Xuân Vinh thu tổng số tiền 60.400.000đ

- Nguyễn Minh T đã trực tiếp làm quyết định giả cho 4 người ở xã Xuân Vinh thu tổng số tiền là 8.000.000đ.

Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, lời khai của người làm chứng, biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản khám xét, các kết luận giám định, vật chứng thu giữ được và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, HĐXX có đủ cơ sở kết luận:

Trong khoảng thời gian từ năm 2016 đến năm 2018, lợi dụng chế độ, chính sách của Nhà nước đối với các đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Campuchia, giúp bạn Lào sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc theo Quyết định 62/2011/QĐ-TTg ngày 09/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ, Nguyễn Minh T và đồng phạm đã thực hiện hành vi làm giả quyết định hưởng chế độ theo Quyết định 62 cho 55 người ở các xã trên địa bàn huyện Thọ Xuân thu lời bất chính, cụ thể: Nguyễn Minh T tham gia 55 quyết định giả thu được 97.000.000 đồng, Nguyễn Văn Q tham gia 55 quyết định giả thu được 27.500.000đ, Nguyễn Đình T1 tham gia 17 quyết định giả thu được 8.000.000đ, Nguyễn Văn L tham gia 08 quyết định giả thu được 5.900.000đ và Nguyễn Văn C tham gia 07 quyết định giả thu được 9.500.000đ.

Các bị cáo đều là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự; hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức trong lĩnh vực quản lý hành chính Nhà nước về con dấu, tài liệu và giấy tờ khác. Do đó hành vi của các bị cáo: Nguyễn Minh T, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Đình T1, Nguyễn Văn L và Nguyễn Văn C đã phạm vào tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự. Cấp sơ thẩm xác định tội danh và khung hình phạt cho các bị cáo như trên là chính xác, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo xin giảm án của bị cáo Nguyễn Minh T và Nguyễn Văn Q và xin được hưởng án treo của các bị cáo Nguyễn Đình T1, Nguyễn Văn L và Nguyễn Văn C:

[3.1] Nhận thấy, khi lượng hình cấp sơ thẩm có xem xét, đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ như: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm các bị cáo đã T khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, nên các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ “*T khẩn khai báo, ăn năn hối cải*” theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự;

Bị cáo Nguyễn Minh T tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước được tặng thưởng Huy chương kháng chiến; bị cáo Nguyễn Văn C tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước được tặng thưởng Huân chương chiến sỹ giải phóng và kỷ niệm chương chiến sỹ trường sơn, nên các bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ “*Người phạm tội là người có công với cách mạng*” theo quy định tại các điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo Nguyễn Minh T, Nguyễn Đình T1 và Nguyễn Văn L được Cơ quan Cảnh sát điều tra thuộc Công an tỉnh Thanh Hóa, Công an huyện Như Thanh và Công an huyện Lang Chánh xác nhận có T tích về việc cung cấp tin báo tội phạm, nên các bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ “*Người phạm tội tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm*” theo quy định tại các điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Nguyễn Văn Q tham gia quân đội nhân dân Việt Nam, trong quá trình công tác được tặng thưởng nhiều huân chương và bằng khen; bị cáo Nguyễn Đình T1 trong quá trình công tác tại UBND xã Xuân Vinh được tặng thưởng nhiều giấy khen, bằng khen, danh hiệu chiến sỹ thi đua và huy chương; bị cáo Nguyễn Văn L trong quá trình công tác tại UBND xã Xuân Vinh được tặng thưởng kỷ niệm chương và nhiều giấy khen, nên các bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ “*Người phạm tội là người có T tích xuất sắc trong công tác*” theo quy định tại điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Nguyễn Minh T có bố, mẹ là người có công với cách mạng được tặng Huân chương kháng chiến và bằng khen; bị cáo Nguyễn Văn Q có bố là người có công với cách mạng, bà nội là bà mẹ Việt Nam anh hùng; bị cáo Nguyễn Đình T1 có bố, mẹ là người có công với cách mạng được tặng Huân chương kháng chiến; bị cáo Nguyễn Văn L có bố, mẹ là người có công với cách mạng được tặng Huân chương kháng chiến, có anh trai Nguyễn Văn Cảnh là Liệt sỹ (hiện tại do gia đình bị cáo đang trực tiếp thờ cúng); bị cáo Nguyễn Văn C có bố là người có công với cách mạng được tặng Huân chương kháng chiến, nên các bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Các tình tiết giảm nhẹ nói trên cấp sơ thẩm áp dụng là phù hợp với quy định của pháp luật. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Nguyễn Minh T, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Đình T1, Nguyễn Văn L và Nguyễn Văn C đã nhiều lần làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức, nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Phạm tội 02 lần trở lên*” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[3.2] Tại cấp phúc thẩm các bị cáo đều có tình tiết giảm nhẹ mới, cụ thể:

Bị cáo Nguyễn Minh T, Nguyễn Văn Q và Nguyễn Đình T1 đều có đơn xác nhận và đề nghị, được chính quyền địa phương xác nhận có hoàn cảnh gia đình khó khăn, là lao động chính, các bị cáo đều có nơi cư trú rõ ràng, trong thời gian tại ngoại tại địa phương luôn chấp hành đúng chính sách pháp luật, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân, đồng thời đề nghị Tòa án và Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo và cho được cải tạo tại địa phương. Hơn nữa bản thân bị cáo Q hiện đang bị bệnh nặng do đột quỵ nhồi máu cơ tim nên các bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS. Bị cáo T khi phạm tội còn là người già 70 tuổi nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm o khoản 1 Điều 51 BLHS (Tình tiết này cấp sơ thẩm chưa áp dụng cho bị cáo).

Cũng sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo Nguyễn Minh T, Nguyễn Văn Q đã tự nguyện nộp toàn bộ số tiền thu lợi bất chính, tiền phạt bổ sung và tiền án phí, bị cáo Nguyễn Đình T1, Nguyễn Văn L và Nguyễn Văn C đã tự nguyện nộp toàn bộ tiền phạt bổ sung và tiền án phí hình sự sơ thẩm. Cụ thể bị cáo T đã nộp số tiền thu lợi bất chính, tiền phạt bổ sung và tiền án phí là: 71.130.000đ (Bảy mươi triệu, một trăm, ba mươi nghìn đồng) tại biên lai thu số 002086 ngày 25/9/2020 của Chi cục THA dân sự huyện Thọ Xuân, bị cáo Q đã nộp số tiền thu lợi bất chính, tiền phạt bổ sung và tiền án phí là 26.125.000đ (Hai sáu triệu, một trăm, hai mươi lăm nghìn đồng) tại biên lai thu số 002092 ngày 08/10/2020 của Chi cục THA dân sự huyện Thọ Xuân; Bị cáo T1 đã nộp 5.500.000đ (Năm triệu, năm trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tiền số 002082, bị cáo L đã nộp 5.200.000đ (Năm triệu, hai trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tiền số 002083 và bị cáo C đã nộp số tiền phạt bổ sung và án phí là 5.200.000đ (Năm triệu, hai trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tiền số 002084 đều của Chi cục THA dân sự huyện Thọ Xuân theo quyết định của bản án sơ thẩm khi bản án sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật, điều đó thể hiện sự ăn năn hối cải, hối hận với việc làm của mình. Đây được xem là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, HĐXX cần xem xét khi dụng hình phạt đối với các bị cáo. Đối với kháng cáo xin được hưởng án treo, các bị cáo đều phạm tội nhiều lần nên không có căn cứ để chấp nhận.

[3.3] HĐXX xét thấy tại cấp phúc thẩm các bị cáo đều có tình tiết mới quy định tại Điều 51 BLHS, cần giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo để các bị cáo thấy được tính nhân đạo và sự khoan hồng của Nhà nước.

Từ những nhận định nêu trên, HĐXX nhận thấy, kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo là có cơ sở chấp nhận. Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là áp dụng Điều 357 của BLTTHS, chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, sửa phần hình phạt của bản án sơ thẩm là có căn cứ pháp luật.

[4] *Về số tiền thu lợi bất chính phải truy thu:* Số tiền các bị cáo Nguyễn Minh T và Nguyễn Văn Q đã nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Thọ Xuân được trừ vào số tiền các bị cáo bị truy thu.

[5] *Về số tiền phạt bổ sung và án phí sơ thẩm:* Các bị cáo Nguyễn Minh T, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Đình T1, Nguyễn Văn L và Nguyễn Văn C đã nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Thọ Xuân được trừ vào số tiền các bị cáo phải nộp.

[6] *Án phí hình sự phúc thẩm:* Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo được chấp nhận.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị HĐXX không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố T^âng hình sự, chấp nhận phần kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Nguyễn Minh T, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Đình T1, Nguyễn Văn L và Nguyễn Văn C.

Sửa phần áp dụng hình phạt đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 52/2020/HS-ST ngày 04/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Minh T, Nguyễn Văn Q, Nguyễn Đình T1, Nguyễn Văn L và Nguyễn Văn C phạm tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

Áp dụng: Điểm a, c khoản 3, khoản 4 Điều 341; Điều 17, khoản 1 Điều 38; điểm s, t, x và o khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 50; Điều 54 và Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Minh T 27 (Hai bảy) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, nhưng được trừ đi thời gian bị cáo đã bị tạm giữ (từ ngày 23/8/2018 đến ngày 01/9/2018).

Áp dụng: Điểm a khoản 3, khoản 4 Điều 341; Điều 17, khoản 1 Điều 38; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn Q 26 (Hai sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, nhưng được trừ đi thời gian bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam (từ ngày 20/9/2019 đến ngày 18/11/2019).

Áp dụng: Điểm a khoản 3, khoản 4 Điều 341; Điều 17, khoản 1 Điều 38; điểm s, t, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Đình T1 23 (Hai ba) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn L 26 (Hai sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Áp dụng: Điểm a khoản 3, khoản 4 Điều 341; Điều 17, khoản 1 Điều 38; điểm s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54; Điều 58 Bộ luật hình sự, đối với bị cáo Nguyễn Văn C;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn C 26 (Hai sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, nhưng được trừ đi thời gian bị cáo đã bị tạm giữ (từ ngày 23/8/2018 đến ngày 01/9/2018).

Về số tiền thu lợi bất chính, tiền phạt bổ sung và án phí sơ thẩm: Các bị cáo đã nộp đủ.

Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo được chấp nhận.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- Người có QLNVLQ;
- TAND, VKSND Cấp cao HN;
- Sở tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Công an tỉnh Thanh Hóa;
- TAND, VKSND, THADS H.Thọ Xuân;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Quốc T